

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 359/XMST-KHCL

V/v mời chào gói mua sắm:
Mua vật tư máy nén khí, Dầu máy nén khí
(ký hiệu: XMST/2020/VTMNK)

Phủ Thọ, ngày 21 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: Các nhà cung cấp.
Gói mua sắm: Mua vật tư máy nén khí, Dầu máy nén khí
(ký hiệu: XMST/2020/VTMNK)

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu chào giá gói mua sắm: Mua vật tư máy nén khí, Dầu máy nén khí (ký hiệu: XMST/2020/VTMNK).

Trân trọng kính mời các nhà cung cấp quan tâm đến gói mua sắm này tham gia và gửi thư chào giá theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá (Chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá gửi kèm).

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá: **Hội 09^h 15', ngày 29/4/2020.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào: **Hội 09^h 30', ngày 29/4/2020.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Hải: 0915 345 228.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- BGĐ (b/c);
- KHCL: 
- Lưu: VT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Anh Tuấn

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

(Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2020/VTMKN)

Tên gói mua sắm: Mua vật tư máy nén khí, Dầu máy nén khí

Bên mời chào giá: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Phủ Thọ, tháng 4/2020

ch

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Ký hiệu gói mua sắm:	XMST/2020/VTMNK
Tên gói mua sắm:	Mua vật tư máy nén khí, Dầu máy nén khí
Phương án mua sắm:	Mua Dầu mỡ bôi trơn các loại, Mua vật tư máy nén khí, Dầu máy nén khí

PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Q. Trưởng Phòng



Bùi Thu Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Mua vật tư máy nén khí, Dầu máy nén khí (ký hiệu: XMST/2019/VTMNK).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Vốn SXKD năm 2020.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian giao hàng: Dự kiến:

Lô số 1: Chia làm 02 đợt (đợt 1: tháng 5/2020; đợt 2: tháng 10/2020).

Lô số 2: Chia làm 02 đợt (đợt 1: tháng 6/2020; đợt 2: tháng 10/2020).

Kế hoạch nhập hàng cụ thể về khối lượng, thời gian, từng đợt: Theo yêu cầu của Vicem Sông Thao và sẽ có thông báo cho Nhà cung cấp.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.
3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp gồm: *02 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu*);
3. Tài liệu chứng minh hàng hóa chính hãng.
4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
5. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu
6. Bản cam kết về chất lượng, điều kiện nghiệm thu, cung cấp CO, CQ theo yêu cầu tại mục 3. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu thuộc Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.
7. Dự thảo hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.
2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá**. TCG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **02 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 10. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá là: **hồi 09 giờ 15 ngày 29 tháng 4 năm 2020.**

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung

cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 11. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào hồi 09 giờ 30' ngày 29 tháng 4 năm **2020** tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thư chào giá. Việc mở thư chào giá không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào giá.

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 12. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 13. Đánh giá Thư chào giá

Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 14. Điều kiện xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;
2. Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp hợp lệ. Đối với nhà thầu không có tên trong phương án được phê duyệt phải đảm bảo: Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm 2018 phải dương. Tổng giá trị 02 hợp đồng tương tự lớn hơn giá trị gói mua sắm.
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào thấp nhất;
6. Có giá đề nghị cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 17. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927

Fax:02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Hải – CV Phòng Kế hoạch chiến lược (SĐT: 0915 345 228).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;
- b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc Thư chào giá;
- b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;
- c) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;
- d) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- đ) Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Nhà cung cấp nộp bản cam kết theo Mẫu số 4, Chương III- Biểu mẫu và Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp gồm: 01 hợp đồng đã thực hiện có tính chất tương tự như gói mua sắm có giá trị ≥ 500 triệu đồng, Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu để chứng minh có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện yêu cầu của gói mua sắm.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

Nội dung đánh giá theo Chương IV: Yêu cầu kỹ thuật và phạm vi cung cấp.

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là “đạt”.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

- Bước 1: Xác định giá chào;
- Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);
- Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);
- Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ",", (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá

tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói mua sắm: ____ [Ghi tên gói mua sắm]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số ____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết thực hiện gói mua sắm ____ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng/ Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Lô số I: Vật tư máy nén khí						
1	Lọc gió	22130223	Hãng Ingersoll Rand/ EU hoặc G7	Cái	6		
2	Lọc dầu	39911631		Cái	10		
3	Lọc tách	54509427		Cái	12		
4	Van điện từ	22516025		Bộ	1		
5	Van điện từ	89245187		Bộ	1		
6	Van an toàn	39588058		Bộ	1		
7	Van một chiều	22225858		Bộ	3		
8	Bảng điều khiển	23009848		Bộ	1		
9	Bộ chuyển đổi áp suất	22359632		Bộ	2		
10	Vòng bi Timken	H913810 - 20024	Timken EU hoặc G7	Bộ	4		
11	Vòng bi Timken	H913849 - 70000		Bộ	4		
	Cộng trước thuế lô số I						
	Thuế VAT 10%						
	Tổng cộng sau thuế lô số I						
II	Lô số II: Dầu máy nén khí						
1	Dầu máy nén khí	Ingersoll Rand Ultra Coolant (Quy cách: 20 lit/thùng)	Ingersoll Rand/EU hoặc G7	Lít	440		
	Cộng trước thuế lô số II						
	Thuế VAT 10%						
	Tổng cộng sau thuế lô số II						
	Tổng cộng (I+ II)						

Giá trị nêu trên bao gồm chi phí thiết bị, thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển hàng hóa đến Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các chi phí khác có liên quan.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Nhà cung cấp có thể chào giá 01 trong 02 lô trên.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
Mô tả tính chất tương tự đối với gói mua sắm		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẴM

Mục 1. Phạm vi cung cấp - Yêu cầu kỹ thuật:

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

Stt	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đv	Số lượng	Thời gian giao hàng	
						Đợt I	Đợt II
I	Lô số I: Vật tư máy nén khí						
1	Lọc gió	22130223	Hãng Ingersoll Rand/ EU hoặc G7	Cái	6	3	3
2	Lọc dầu	39911631		Cái	10	6	4
3	Lọc tách	54509427		Cái	12	6	6
4	Van điện từ	22516025		Bộ	1	1	0
5	Van điện từ	89245187		Bộ	1	1	0
6	Van an toàn	39588058		Bộ	1	1	0
7	Van một chiều	22225858		Bộ	3	3	0
8	Bảng điều khiển	23009848		Bộ	1	1	0
9	Bộ chuyển đổi áp suất	22359632		Bộ	2	2	0
10	Vòng bi Timken	H913810 - 20024	Timken EU hoặc G7	Bộ	4	4	0
11	Vòng bi Timken	H913849 - 70000		Bộ	4	4	0
II	Lô số II: Dầu máy nén khí						
1	Dầu máy nén khí	Ingersoll Rand Ultra Coolant (Quy cách: 20 lit/thùng)	Ingersoll Rand/EU hoặc G7	Lít	440	440	

Mục 2. Thời gian địa điểm giao hàng:

Lô số 1: Chia làm 02 đợt (đợt 1: tháng 5/2020; đợt 2: tháng 10/2020).

Lô số 2: Chia làm 02 đợt (đợt 1: tháng 6/2020; đợt 2: tháng 10/2020).

Kế hoạch nhập hàng cụ thể về khối lượng, thời gian, từng đợt: Theo yêu cầu của Vicem Sông Thao và sẽ có thông báo cho Nhà cung cấp.

Mục 3. Địa điểm giao hàng: tại kho Vicem Sông Thao, Xã Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ.

Mục 4. Yêu cầu kỹ thuật - Điều kiện nghiệm thu:

a. Hàng hóa phải chính hãng:

+ Lô số I: - Mục I.1÷ I.9: chính hãng IngerSoll Rand;

- Mục I.10÷ I.11: chính hãng Timken

+ Lô số II: chính hãng Inger Soll Rand.

Có giấy tờ tài liệu chứng minh hàng hóa chính hãng.

b. Hàng hóa mới 100%, đúng mã hiệu, lắp đặt tương thích với thiết bị của bên A.

c. Hàng hóa được đóng gói, bảo quản theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo nguyên đai, nguyên kiện. Hàng hóa không có khuyết tật, không bị biến dạng cong vênh, móp méo.

d. Nhà thầu phải cung cấp đủ tài liệu kỹ thuật các vật tư.

e. Hàng hóa có đủ giấy chứng nhận CO, CQ (bản gốc hoặc bản sao công chứng).

Mục 5. Bảo hành:

- Lô số I: Bảo hành 3.000h kể từ ngày đưa vào sử dụng và theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất (với các mục I.1÷ I.3).

Các vật tư còn lại: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng hoặc 18 tháng kể từ ngày giao hàng tùy theo điều kiện nào đến trước. Bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất

- Lô số II: Bảo hành 8.000h hoạt động và theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

Mục 6. Tổng hợp Đánh giá Yêu cầu kỹ thuật:

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Về phạm vi cung cấp Chủng loại, Thông số kỹ thuật, mã hiệu, Hãng sản xuất/ Xuất xứ, Khối lượng cung cấp.	Đáp ứng yêu cầu tại mục 1- Chương này	Không Đáp ứng yêu cầu tại mục 1- Chương này
2	Điều kiện nghiệm thu và bảo hành:		
2.1	- Hàng hóa mới 100%, đúng mã hiệu, lắp đặt tương thích với thiết bị của bên A. - Hàng hóa được đóng gói, bảo quản theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo nguyên đai, nguyên kiện. Hàng hóa không có khuyết tật, không bị biến dạng cong vênh, móp méo. - Nhà thầu phải cung cấp đủ tài liệu kỹ thuật các vật tư. - Hàng hóa có đầy đủ giấy chứng nhận CO, CQ (bản gốc hoặc sao công chứng).	Có cam kết	Không có cam kết
2.2	a. Hàng hóa phải chính hãng: + Lô số I: - Mục I.1÷ I.9: chính hãng IngerSoll Rand; - Mục I.10÷ I.11: chính hãng Timken + Lô số II: chính hãng Inger Soll Rand. Hoặc đại lý ủy quyền, Có chứng thư là nhà phân phối chính hãng trên thị trường trong nước còn hiệu lực hoặc các giấy tờ tương đương.	Có giấy tờ, tài liệu chứng minh	Không Có giấy tờ, tài liệu chứng minh
2.3	* Yêu cầu với sản phẩm quy đổi tương đương (áp dụng cho các máy nghiền): - Nhà cung cấp dầu phải chịu 100% chi phí thực hiện súc rửa, tráng toàn bộ hệ thống của thiết bị.	Có cam kết	Không có cam kết

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	- Nhà thầu cung cấp dầu phải chịu 100% chi phí thay dầu sau 72 giờ đầu thiết bị vận hành có tải liên tục . - Trong 72 giờ đầu thiết bị vận hành phục vụ sản xuất, mọi phát sinh do dầu mới thay gây ảnh hưởng tới thiết bị thì nhà thầu cung cấp dầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.		
2.4	Bảo hành: - Lô số I: Bảo hành 3.000h kể từ ngày đưa vào sử dụng và theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất (với các mục I.1÷ I.3). Các vật tư còn lại: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng hoặc 18 tháng kể từ ngày giao hàng tùy theo điều kiện nào đến trước. Bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất - Lô số II: Bảo hành 8.000h hoạt động và theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.	Có cam kết	Không có cam kết
3	Thời gian giao hàng:	Đáp ứng yêu cầu tại mục 2- Chương này	Không Đáp ứng yêu cầu tại mục 2- Chương này
4	Địa điểm giao hàng:	Đáp ứng yêu cầu tại mục 3- Chương này	Không Đáp ứng yêu cầu tại mục 3- Chương này

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2020/HĐKT

V/v: Cung cấp vật tư máy nén khí, Dầu máy nén khí
(Ký hiệu: XMST/2020/VTMNK)

Căn cứ bộ luật dân sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ luật thương mại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST ngày / /2020 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Mua vật tư máy nén khí, Dầu máy nén khí (Ký hiệu: XMST/2020/VTMNK);

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày / /2020, tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, chúng tôi gồm:

I. BÊN A : Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Đại diện : Ông **Nguyễn Quang Huy**

Chức vụ : Tổng giám đốc

Địa chỉ : Ninh Dân, Thanh Ba, Phú Thọ

Điện thoại : 0210.3884927

Fax: 0210.3884.929

Mã số thuế : 2600279082

Tài khoản : 115000040144

Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Đền Hùng.

II. BÊN B :

Đại diện : Chức vụ:.....

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:.....

Mã số thuế :

Tài khoản :

Ngân Hàng :

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng: Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán Vật tư máy nén khí, Dầu máy nén khí (Ký hiệu: XMST/2020/VTMNK) (sau đây gọi là hàng hóa) với khối lượng, quy cách, đơn giá và giá trị của hàng hóa như sau:

1.1 Giá trị hợp đồng: đồng.

(Bằng chữ : /.)

Bảng đơn giá chi tiết:

TT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật, mã hiệu	Hãng/ Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Lô số I: Vật tư máy nén khí						
1	Lọc gió	22130223	Hãng Ingersoll Rand/ EU hoặc G7	Cái	6		
2	Lọc dầu	39911631		Cái	10		
3	Lọc tách	54509427		Cái	12		
4	Van điện từ	22516025		Bộ	1		
5	Van điện từ	89245187		Bộ	1		
6	Van an toàn	39588058		Bộ	1		
7	Van một chiều	22225858		Bộ	3		
8	Bảng điều khiển	23009848		Bộ	1		
9	Bộ chuyển đổi áp suất	22359632		Bộ	2		
10	Vòng bi Timken	H913810 - 20024	Timken EU hoặc G7	Bộ	4		
11	Vòng bi Timken	H913849 - 70000		Bộ	4		
	Cộng trước thuế lô số I						
	Thuế VAT 10%						
	Tổng cộng sau thuế lô số I						
II	Lô số II: Dầu máy nén khí						
1	Dầu máy nén khí	Ingersoll Rand Ultra Coolant (Quy cách: 20 lít/thùng)	Ingersoll Rand/EU hoặc G7	Lít	440		
	Cộng trước thuế lô số II						
	Thuế VAT 10%						
	Tổng cộng sau thuế lô số II						
	Tổng cộng (I+ II)						

Giá trị nêu trên bao gồm chi phí thiết bị, thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển hàng hóa đến Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các chi phí khác có liên quan.

1.2. Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

a. Hàng hóa do chính hãng IngerSoll Rand hoặc đại lý ủy quyền IngerSoll Rand cung cấp (mục I.1÷ I.9 và mục II.1); chính hãng Timken hoặc đại lý ủy quyền Timken (mục I.10, I.11).

b. Hàng hóa mới 100%, đúng mã hiệu, lắp đặt tương thích với thiết bị của bên A.

c. Hàng hóa được đóng gói, bảo quản theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo nguyên đai, nguyên kiện. Hàng hóa không có khuyết tật, không bị biến dạng cong vênh, móp méo.

d. Nhà thầu phải cung cấp đủ tài liệu kỹ thuật các vật tư.

e. Hàng hóa có đầy đủ giấy chứng nhận CO, CQ (bản gốc hoặc bản sao công chứng).

2.2. Điều kiện nghiệm thu:

a. Khi Bên B cung cấp hàng hóa đúng chủng loại, thông số kỹ thuật, đúng Hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ như nêu tại Điều 1, đảm bảo chất lượng và có đầy đủ giấy tờ theo Khoản 2.1-Điều 2 của Hợp đồng, trong vòng 05 ngày làm việc, Hai Bên sẽ tiến hành nghiệm thu nhập kho hàng hóa.

b. Bên A có quyền từ chối nghiệm thu hàng hóa, nếu hàng hóa Bên B cung cấp không đúng: Chủng loại, thông số kỹ thuật, Hãng sản xuất, nguồn gốc xuất xứ nêu tại Điều 1; Không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu tại Khoản 2.1-Điều 2 của Hợp đồng. Khi đó, Bên B phải vận chuyển hàng hóa do Bên A từ chối nghiệm thu về. Mọi chi phí khắc phục để thực hiện hợp đồng do Bên B chịu.

Điều 3. Thời gian, địa điểm giao hàng, phương thức giao nhận:

3.1. Thời gian thực hiện: 06 tháng (Cấp hàng theo đợt)

Lô số 1: Chia làm 02 đợt (*đợt 1: tháng 5/2020; đợt 2: tháng 10/2020*).

Lô số 2: Chia làm 02 đợt (*đợt 1: tháng 6/2020; đợt 2: tháng 10/2020*).

Kế hoạch nhập hàng cụ thể về khối lượng, thời gian, từng đợt: Theo yêu cầu của Vicem Sông Thao và sẽ có thông báo cho Nhà cung cấp.

Trước khi giao hàng 02 ngày, Bên B phải thông báo cho Bên A bằng văn bản (*fax, điện thoại*) về thời gian giao hàng.

3.2. Địa điểm giao hàng, phương thức giao nhận: Giao hàng tại kho của Bên A, địa chỉ: xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Điều 4. Phương thức thanh, quyết toán:

4.1. Thanh toán Hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng.

Trên cơ sở Biên bản nghiệm thu hàng hóa từng đợt được Hai Bên A-B ký (trừ đợt giao hàng cuối cùng), Hai Bên tiến hành lập hồ sơ thanh toán từng đợt của Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán từng đợt được A-B ký, công văn đề nghị thanh toán của Bên B, hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định. Bên A sẽ thanh toán 95% giá trị hoàn thành từng đợt cho Bên B và giữ lại 5% giá trị hoàn thành từng đợt để bảo hành.

4.2. Quyết toán Hợp đồng: Trên cơ sở biên bản nghiệm thu hàng hóa đợt cuối được A-B ký, Hai Bên tiến hành lập hồ sơ quyết toán Hợp Đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán được A-B ký, công văn đề nghị thanh toán của Bên B, hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định, Bên A sẽ thanh toán 95% giá trị hoàn thành đợt cuối cho Bên B và giữ lại 5% giá trị hoàn thành đợt cuối để bảo hành.

4.3. Thanh lý Hợp đồng:

a. Khi hết thời gian bảo hành theo quy định và đã được xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (nếu có). Hai Bên tiến hành lập biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành được A-B ký, Bên A sẽ thanh toán nốt số tiền giữ lại để bảo hành cho Bên B.

b. Hết thời gian bảo hành theo quy định và Hai Bên đã thực hiện xong các nghĩa vụ của mình, không còn vướng mắc gì thì Hợp đồng tự động được thanh lý.

4.4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.5. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 5. Trách nhiệm Các Bên:

5.1. Trách nhiệm Bên A:

- a. Phối hợp với Bên B kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa được Bên B giao theo quy định của Hợp đồng.
- b. Bốc dỡ hàng hóa kịp thời ra khỏi phương tiện vận tải của Bên B tại Kho Bên A.
- c. Thanh, quyết toán cho Bên B theo đúng Điều 4 của Hợp đồng.
- d. Phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).

5.2. Trách nhiệm Bên B:

- a. Cung cấp cho Bên A đủ số lượng hàng hóa; đảm bảo đúng chủng loại, qui cách, đúng Hãng sản xuất và nguồn gốc xuất xứ như nêu tại Điều 1; đảm bảo yêu cầu chất lượng hàng hóa và có đầy đủ giấy tờ như nêu tại Khoản 2.1-Điều 2 và giao hàng đúng thời gian, địa điểm nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.
- b. Phối hợp cùng Bên A nghiệm thu nhập kho, nghiệm thu bàn giao hàng hóa và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).
- c. Phối hợp với Bên A giải quyết các thủ tục liên quan đến việc thanh, quyết toán và thanh lý Hợp đồng.
- d. Bảo hành hàng hóa theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.
- đ. Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Hợp đồng; không được đơn phương tạm dừng hoặc hủy bỏ Hợp đồng hoặc giao hợp đồng cho một Bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

Điều 6. Xử lý vi phạm hợp đồng:

6.1. Nếu Bên B giao hàng chậm hơn thời gian quy định trong Hợp đồng do các yếu tố chủ quan của Bên B, thì Bên B sẽ phải chịu phạt 1,0% giá trị Hợp đồng/01 ngày giao chậm. Thời gian giao chậm tối đa không quá 05 ngày. Nếu quá 05 ngày so với thời gian yêu cầu giao hàng theo qui định của Hợp đồng mà Bên B không cung cấp được hàng hóa thì Bên A có quyền đơn phương hủy Hợp đồng mà không phải bồi thường bất cứ thiệt hại nào cho Bên B, đồng thời khi đó Bên B phải chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng.

6.2. Nếu Bên A thanh toán chậm so với quy định của Hợp đồng thì Bên A sẽ phải trả lãi cho giá trị chậm trả tính theo lãi suất tiền gửi loại không kỳ hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng tại thời điểm thanh toán.

Điều 7. Bảo hành hàng hóa:

7.1. Bên B cam kết bảo hành hàng hóa cung cấp tại Điều 1 như sau:

- Bảo hành 3.000h kể từ ngày đưa vào sử dụng và theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất (với các mục I.1÷ I.3).
- Bảo hành 8.000h hoạt động và theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất (với mục II.1).
- Các vật tư còn lại: Bảo hành 12 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng hoặc 18 tháng kể từ ngày giao hàng tùy theo điều kiện nào đến trước. Bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất

Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa bị hư hỏng do lỗi của Nhà sản xuất (không bảo hành các hư hỏng do lỗi người sử dụng, sự cố thiết bị khi vận hành gây nên) thì sau khi nhận được thông báo của Bên A, Bên B bằng kinh phí của mình phải sửa chữa khắc phục hoặc thay thế hàng hóa mới kịp thời, không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Bên

A. Thời gian khắc phục, sửa chữa, hoặc thay thế Hai Bên sẽ cùng xem xét và thống nhất tùy theo mức độ hư hỏng của hàng hóa.

7.2. Nếu Bên B không khắc phục, sửa chữa, thay thế kịp thời cho Bên A thì Bên A sẽ tiến hành sửa chữa, khắc phục hoặc thay thế hàng mới. Khi đó mọi chi phí khắc phục, sửa chữa hoặc thay thế Bên B có trách nhiệm chi trả cho Bên A, đồng thời Bên B phải bồi thường các thiệt hại có liên quan.

Điều 8. Điều khoản chung:

8.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc thì Hai Bên sẽ

thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh vướng mắc Hai Bên không tự giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế để giải quyết. Bên vi phạm sẽ chịu mọi án phí.

8.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

.....
Giám đốc

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
Phòng Kỹ thuật và Nghiên cứu triển khai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phủ Thọ, ngày 09 tháng 3 năm 2020

YÊU CẦU KỸ THUẬT VẬT TƯ 2020

PL04 - VTC18: Vật tư máy nén khí

STT	Tên vật tư	Mã hiệu	Hãng SX	Xuất xứ	ĐVT	SL	Số lượng mua theo đợt		Thời gian sử dụng dự kiến	Điều kiện nghiệm thu	Điều kiện bảo hành
							Đợt 1	Đợt 2			
1	Lọc gió	22130223	Hãng Ingersoll Rand	EU hoặc G7	Cái	6	3	3	Đợt 1: T6/2020 Đợt 2: T10/2020	- Hàng hóa do chính hãng Ingersoll Rand hoặc đại lý ủy quyền Ingersoll Rand cung cấp (mục 1-9) (có chứng thư của hãng còn hiệu lực). - Hàng hóa mới 100%, đúng mã hiệu, lắp đặt tương thích với thiết bị của bên A. - Hàng hóa được đóng gói, bảo quản theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo nguyên đai, nguyên kiện. - Hàng hóa không có khuyết tật, không bị biến dạng cong vênh, móp méo. - Nhà thầu phải cung cấp đủ tài liệu kỹ thuật các vật tư. - Hàng hóa có đầy đủ giấy chứng nhận CO, CQ (bản gốc hoặc bản sao công chứng).	Bảo hành 3000h kể từ ngày đưa vào sử dụng
2	Lọc dầu	39911631			Cái	10	6	4			
3	Lọc tách	54509427			Cái	12	6	6			
4	Van điện từ	22516025			Bộ	1	1	0			
5	Van điện từ	89245187			Bộ	1	1	0			
6	Van an toàn	39588058			Bộ	1	1	0			
7	Van một chiều	22225858			Bộ	3	3	0			
8	Bảng điều khiển	23009848			Bộ	1	1	0			
9	Bộ chuyển đổi áp suất	22359632			Bộ	2	2	0			
10	Vòng bi Timken	H913810 - 20024	Timken	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	Bộ	4	4	0	PHÒNG KT & NCTK		Bảo hành 12 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng hoặc 18 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa
11	Vòng bi Timken	H913849 - 70000	Timken		Bộ	4	4	0			

Nguyễn Ngọc Linh

Lê Văn Thao

CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
Phòng Kỹ thuật và Nghiên cứu triển khai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phủ Thọ, ngày 09 tháng 3 năm 2020

YÊU CẦU KỸ THUẬT VẬT TƯ 2020

PL04 - VTC29.04: Vật tư đầu máy nén khí

11	Tên vật tư	Đặc tính kỹ thuật	Hãng SX	Xuất xứ	ĐVT	SL	Thời gian sử dụng dự kiến	Yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chí bảo hành
1	Dầu máy nén khí	Ingersoll Rand Ultra Coolant (Quy cách: 20 lít/thùng)	Ingersoll Rand	G7 hoặc EU	Lít	440	-T5/2020: 220L -T10/2020: 220L	- Hàng hóa phải mới 100%; - Hàng hóa phải do chính hãng hoặc đại lý chính thức cung cấp (nhà thầu phải cung cấp chứng thư xác nhận còn hiệu lực); - Sản xuất năm 2019 trở về sau; - Hàng hóa phải đúng chủng loại, quy cách, mã hiệu và số lượng; - Hàng hóa phải được đóng gói, bảo quản theo đúng yêu cầu của Nhà sản xuất; - Hàng hóa phải có đầy đủ C/O (đối với hàng nhập khẩu), C/Q của Nhà sản xuất.	Bảo hành 8000h hoạt động và theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Linh

PHÒNG KT & NCTK



Lê Văn Thao